

Bản án số: 151/2020/HS-ST
Ngày: 30-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thắm.

2. Ông Nguyễn Văn Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **111/2020/TLST-HS** ngày 14 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **135/2020/QĐXXST-HS** ngày 12 tháng 11 năm 2020, theo các Quyết định hoãn phiên tòa số: **15/2020/HSST-QĐ** ngày 15 tháng 11 năm 2020, **22/2020/HSST-QĐ** ngày 24 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Ngô Minh T, tên gọi khác: không có; sinh năm 1987, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Thành, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Quyên, sinh năm 1969; vợ: Trương Thị Nhí, sinh năm 1991; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15-6-2020, đến ngày 23-6-2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

2. Nguyễn Mộng H, tên gọi khác: Líp, sinh năm 1979, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định và bà Nguyễn Thị Liên, năm sinh không xác định; vợ: Nguyễn Thị Kiều Oanh, sinh năm 1981; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13-6-2020, đến

ngày 21-6-2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

3. Nguyễn Tấn V, tên gọi khác: Lý, sinh năm 1980, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Dũng (đã chết) và bà Trần Thị Phích, sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1984; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: không có; tiền sự: ngày 05-12-2019, bị Công an xã C ra Quyết định số 129 phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13-6-2020, đến ngày 21-6-2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

4. Lê Quan L, tên gọi khác: không có, sinh năm 1991, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Ánh, sinh năm 1938 và bà Lê Thị Nhị, sinh năm 1951; vợ: Lý Thị Thắm, sinh năm 1992; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13-6-2020, đến ngày 21-6-2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

5. Cao Văn M, tên gọi khác: không có, sinh năm 1973, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp N, xã C, huyện D, tỉnh A; nơi tạm trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định và bà Cao Thị Mến, năm sinh không xác định; vợ: Trần Thị Hiếu, sinh năm 1978; con: có 01 người, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13-6-2020, đến ngày 21-6-2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

6. Phạm Văn E, tên gọi khác: Lam, sinh năm 1993, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Xê, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1960; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-6-2020, đến ngày 19-6-2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

7. Nguyễn Hồng F, tên gọi khác: không có, sinh năm 1989, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Nói, sinh năm 1957 và bà Phan Thị Thuyền, sinh năm 1964; vợ: Võ Thị Hoa, sinh năm 1992; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

8. Ngô Văn G, tên gọi khác: không có, sinh năm 1994, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Thanh, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Hoa, năm sinh không xác định; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

9. Võ Văn K, tên gọi khác: không có, sinh năm 1989, tại tỉnh A; nơi cư trú: ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh A; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn Cao, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1966; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 01-12-2020 bắt tạm giam cho đến nay.

Tất cả các bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 12-6-2020, bị cáo Ngô Minh T mang theo 13.000.000 đồng, 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sành và 01 nắp nhựa, bị cáo Nguyễn Mộng H mang theo 1.200.000 đồng, bị cáo Lê Quang L mang theo 200.000 đồng, bị cáo Cao Văn M mang theo 400.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tấn V mang theo 900.000 đồng, bị cáo Phạm Văn E mang theo 1.100.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hồng F mang theo 410.000 đồng, bị cáo Ngô Văn G mang theo 200.000 đồng, bị cáo Võ Văn K mang theo 450.000 đồng và người tên S không rõ lý lịch đến ngôi nhà bỏ hoang của ông Nguyễn Văn U thuộc ấp B, xã C, huyện D, cùng nhau tham gia lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền do các bị cáo T và H làm cái, mỗi ván người tham gia đặt tiền thấp nhất 20.000 đồng, cao nhất 200.000 đồng.

Người làm cái dùng tấm manh có chữ tài xỉu và các con số đặt dưới đất để người tham gia đặt tiền, dùng 03 hột xí ngầu hình lục giác, trên mỗi mặt có in số nút từ 01 đến 06 để vào đĩa tròn dùng nắp đập lại và cầm lắc nhiều lần, sau đó để xuống chờ người tham gia đặt tiền. Khi người làm cái mở nắp nhựa ra, nếu 03 mặt ngửa trên 03 hột xí ngầu cộng lại có số nút từ 03 đến 10 nút là xỉu thì người làm cái thua bên xỉu và thắng bên tài; Nếu từ 11 đến 18 nút là tài thì người làm cái thua bên tài và thắng bên xỉu. Nếu 03 mặt ngửa của 03 hột xí ngầu giống nhau và có tổng số nút 3, 6, 9 là cái bảo xỉu; Tổng số nút 12, 15, 18 là cái bảo tài. Khi cái bảo xỉu thì người làm cái hòa với những người đặt xỉu, thắng những người đặt tài và ngược lại. Ngoài ra, còn đặt cược với hình thức bắt số nút theo tỷ lệ như sau: Số nút là 06, 15 thì tỷ lệ đặt 01 thắng 14; số nút là 07, 14 thì tỷ lệ đặt 01 thắng 12; số nút là 08, 13 thì tỷ lệ đặt 01 thắng 8; số nút là 09, 10, 11, 12 thì tỷ lệ đặt 01 thắng 6.

Đến 19 giờ 20 phút cùng ngày, khi các bị cáo T, H, L, M, V, E, F, G, K và S đang đánh bạc thắng thua bằng tiền, trong đó bị cáo T thua 5.000.000 đồng, bị

cáo H thắng 790.000 đồng, bị cáo L thắng 100.000 đồng, bị cáo V thua 500.000 đồng, bị cáo E thắng 200.000 đồng, bị cáo F thua 400.000 đồng, bị cáo G thua 50.000 đồng, bị cáo K thua 400.000 đồng thì bị Công an huyện D bắt quả tang. Công an thu giữ tại chiếu bạc gồm: 17.050.000 đồng, 08 hột xí ngầu, 01 đĩa sành, 01 nắp nhựa, 01 tấm manh có chữ tài xỉu và các con số. Công an thu giữ số tiền trên người bị cáo H 1.990.000 đồng, bị cáo L 300.000 đồng, bị cáo M 400.000 đồng. Riêng S chạy thoát.

Quá trình điều tra, tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Kết quả thu giữ vật chứng: 01 xe mô tô Honda Wave Alpha, màu trắng, đen, biển số 70F1-330.47, số máy 5482295, số khung 483309, dung tích xi lanh 97 cm³; 01 xe mô tô Honda Wave RSX, màu sơn đỏ - đen - xám, biển số 70F1-402.11, số máy JC52E5167617, số khung 522XCY699263, dung tích xi lanh 109 cm³; 01 xe mô tô Gabon, màu đen - xanh, biển số 70U1-0120, số máy VTT42JL1P52FMH000759, số khung RRKWCH2UM7XJ00759; 01 xe mô tô Honda, màu xanh, biển số 70R1-0267, số máy 8511, số khung 70151096, dung tích xi lanh 72 cm³; 01 xe mô tô Da Yang, màu xanh, biển số 70K4-5390, số máy VTRDY150FMG80124042, số khung VMXLCG033U124042, dung tích xi lanh 97 cm³; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số Imei: 357698101635910; 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, màu xám, số Imei: 302050077830981; 01 điện thoại di động OPPO Reno2F, màu xanh, số Imei 1: 869563044388418, số imei 2: 869563044388400; 08 (tám) hột xí ngầu; 01 (một) cái đĩa sành màu trắng; 01 (một) nắp nhựa màu xanh, đỏ; 01 tấm manh có chữ “Tài- Xỉu”; tiền Việt Nam 19.740.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772257, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Ngô Minh T, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772341, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Cao Văn M, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772468, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Lê Quan L, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772040, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Nguyễn Tấn V, số tiền trong tài khoản 20.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772631, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Nguyễn Thị Kiều Oanh, số tiền trong tài khoản 5.000.000 đồng.

Tất cả đã chuyển cho chi cục Thi hành án dân sự huyện D tạm giữ, chờ xử lý.

Về kê biên tài sản: Các bị cáo H, T, L, V, M có nộp tiền gửi tiết kiệm. Các bị cáo E, F, G, K không có tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Đối với người tên S không rõ lý lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKSGD ngày 12-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh A truy tố các bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H, Nguyễn Tấn V, Lê Quan L, Cao Văn M, Phạm Văn E, Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G, Võ Văn K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H, Nguyễn Tấn V, Lê Quan L, Cao Văn M, Phạm Văn E, Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G, Võ Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Ngô Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng H từ 09 tháng đến 12 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn V từ 09 tháng đến 12 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Lê Quan L từ 06 tháng đến 09 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Cao Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn E từ 06 tháng đến 09 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng F từ 06 tháng đến 09 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn G từ 06 tháng đến 09 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Võ Văn K từ 06 tháng đến 09 tháng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Đề nghị phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau: Vào lúc 19 giờ 20 phút, ngày 12-6-2020, tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh A, các bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H, Lê Quan L, Cao Văn M, Nguyễn Tấn V, Phạm Văn E, Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G và Võ Văn K dùng số tiền 19.740.000 đồng để đánh bạc thắng thua bằng tiền thì bị bắt.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với vật chứng được thu giữ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của các bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H, Lê Quan L, Cao Văn M, Nguyễn Tấn V, Phạm Văn E, Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G và Võ Văn K đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo do muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công lao động cực khổ, nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

- Về đồng phạm: Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, cũng như không có sự cấu kết chặt chẽ trong thực hiện tội phạm nên các bị cáo phạm tội không có tính tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn.

- Bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H là người mang theo dụng cụ đánh bạc, trực tiếp làm cái, rủ các bị cáo khác tham gia đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Tấn V có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, nhưng không biết tu sửa bản thân, từ bỏ cờ bạc mà lại tiếp tục thực hiện tội phạm, bị cáo Phạm Văn E mang theo số tiền đánh bạc cao nên các bị cáo V, E phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo còn lại.

- Các bị cáo Lê Quan L, Cao Văn M, Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G, Võ Văn K có số tiền dùng đánh bạc thấp nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau cùng.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt không cần phải cách ly bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà xem xét cho các bị cáo T, H được hưởng án treo là phù hợp.

[5.2] Đối với các bị cáo còn lại, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền để xử phạt bị cáo cũng đủ sức răn đe cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H 15.000.000 đồng, đối với các bị cáo còn lại do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 08 (tám) hột xí ngầu; 01 (một) cái đĩa sành màu trắng; 01 (một) nắp nhựa màu xanh, đỏ; 01 tấm manh có chữ “Tài- Xiu” là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7.2] Đối với tiền Việt Nam 19.740.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 xe mô tô Gabon, màu đen – xanh, biển số 70U1-0120, số máy VTT42JL1P52FMH000759, số khung RRRKWC2UM7XJ00759 không rõ chủ sở hữu nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.3] Đối với 01 xe mô tô Honda Wave Alpha, màu trắng, đen, biển số 70F1-330.47, số máy 5482295, số khung 483309, dung tích xi lanh 97 cm³; 01 xe mô tô Honda Wave RSX, màu sơn đỏ - đen – xám, biển số 70F1-402.11, số máy JC52E5167617, số khung 522XCXY699263, dung tích xi lanh 109 cm³; 01 xe mô tô Honda, màu xanh, biển số 70R1-0267, số máy 8511, số khung 70151096, dung tích xi lanh 72 cm³; 01 xe mô tô Da Yang, màu xanh, biển số

70K4-5390, số máy VTRDY150FMG80124042, số khung VMXLCG033U124042, dung tích xi lanh 97 cm³; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số Imei: 357698101635910; 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, màu xám, số Imei: 302050077830981; 01 điện thoại di động OPPO Reno2F, màu xanh, số Imei 1: 869563044388418, số imei 2: 869563044388400 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu.

Tạm giữ 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772257, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Ngô Minh T, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772341, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Cao Văn M, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772468, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Lê Quan L, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772040, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Nguyễn Tấn V, số tiền trong tài khoản 20.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772631, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Nguyễn Thị Kiều Oanh, số tiền trong tài khoản 5.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29-10-2020)

[8] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử:
- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Ngô Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng H 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, phạt bổ sung các bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Xử phạt các bị cáo còn lại từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo V có 01 tiền sự, chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử lý hành chính. Do đó, bị cáo V có nhân thân xấu nên không cho bị cáo hưởng án treo theo đề xuất của Viện kiểm sát. Đối với các bị cáo còn lại, do số tiền dùng để đánh bạc ít nên chịu trách nhiệm hình sự sau các bị cáo V nên xử phạt tiền các bị cáo là phù hợp, vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện D.

Xét đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H (Líp) phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Ngô Minh T 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Minh T 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng H (Líp) 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Mộng H (Líp) 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H, nếu các bị cáo T, H không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H (Líp) cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh A giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H (Líp) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn V (Lý), Lê Quan L, Cao Văn M, Phạm Văn E (Lam), Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G, Võ Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn V (Lý) 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn E (Lam) 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn M 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Lê Quan L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng F 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn G 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn K 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo V (Lý), E (Lam), M, L, F, G, K.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Nguyễn Tấn V (Lý), Lê Quan L, Cao Văn M, Phạm Văn E (Lam), Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G, Võ Văn K, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3 . Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 08 (tám) hột xí ngầu; 01 (một) cái đĩa sành màu trắng; 01 (một) nắp nhựa màu xanh, đỏ; 01 tấm manh có chữ “Tài- Xỉu”.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền Việt Nam 19.740.000 đồng; 01 xe mô tô Gabon, màu đen – xanh, biển số 70U1-0120, số máy VTT42JL1P52FMH000759, số khung RRKWCH2UM7XJ00759.

- Trả cho Ngô Minh T 01 xe mô tô Honda Wave RSX, màu sơn đỏ - đen – xám, biển số 70F1-402.11, số máy JC52E5167617, số khung 522XCY699263, dung tích xi lanh 109 cm³.

- Trả cho Lê Quan L 01 xe mô tô Honda Wave Alpha, màu trắng, đen, biển số 70F1-330.47, số máy 5482295, số khung 483309, dung tích xi lanh 97 cm³; 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, màu xám, số Imei: 302050077830981.

- Trả cho Cao Văn M 01 xe mô tô Honda, màu xanh, biển số 70R1-0267, số máy 8511, số khung 70151096, dung tích xi lanh 72 cm³.

- Trả cho Võ Văn K 01 xe mô tô Da Yang, màu xanh, biển số 70K4-5390, số máy VTRDY150FMG80124042, số khung VMXLCG033U124042, dung tích xi lanh 97 cm³;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Mộng H 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số Imei: 357698101635910;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Tấn V 01 điện thoại di động OPPO Reno2F, màu xanh, số Imei 1: 869563044388418, số imei 2: 869563044388400;

- Tạm giữ 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772257, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Ngô Minh T, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772341, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Cao Văn M, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772468, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Lê Quan L, số tiền trong tài khoản 10.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013772040, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Nguyễn Tấn V, số tiền trong tài khoản 20.000.000 đồng; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD

00013772631, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện D mang tên Nguyễn Thị Kiều Oanh, số tiền trong tài khoản 5.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29-10-2020)

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Các bị cáo Ngô Minh T, Nguyễn Mộng H, Lê Quan L, Cao Văn M, Nguyễn Tấn V, Phạm Văn E, Nguyễn Hồng F, Ngô Văn G và Võ Văn K, mỗi bị cáo phải chịu: 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo ĐKNKTT;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- CC THADS h. Gò Dầu;
- Các bị cáo;
- Những người TGTĐ khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

